

Bản án số: 148/2025/HSST
Ngày: 27/10/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dừa

Ông Nguyễn Văn Lương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 184/2025/HSST ngày 08/10/2025 đối với các bị cáo:

1/ **Họ tên: Dương Thị V** - Sinh ngày 14/9/1982 tại Yên Bái (cũ)

HKTT+Nơi cư trú: thôn Q, xã L, tỉnh Lào Cai (địa chỉ cũ: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái)

CCCD số 015182008917 cấp ngày 06/12/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Dao

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trình độ văn hoá: 12/12

Con ông: Dương Đức M

Con bà: Hoàng Thị L

Có chồng là Đinh Văn L1 (đã ly hôn năm 2023) và có 03 con: lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014

- TATS: không

(Danh chỉ bản số 599 do Cơ quan Điều tra - Công an TP Hà Nội lập ngày 26/4/2025)

Bắt và tạm giữ ngày 15/4/2025, tạm giam ngày 24/4/2025. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2/ **Họ tên: Đinh Hữu H** - Sinh ngày 19/5/1976 tại tỉnh Quảng Bình (cũ)

HKTT+nơi cư trú: thôn T, xã M, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ cũ: thôn T, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình)

CCCD số 044076002481 cấp ngày 16/12/2024 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trình độ văn hoá: .../12

Con ông: Đình T

Con bà: Đình Thị P

Có vợ là Hoàng Thị D (đã ly hôn năm 2011) và có 02 con: lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2009

- TATS: không

(Danh chỉ bản số 941 do Cơ quan Điều tra - Công an TP Hà Nội lập ngày 10/7/2025)

Bị cáo tại ngoại. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- *Người bị hại*: Ông Nguyễn Thanh Đ - SN 1923 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 86, ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội (nay là số nhà 86, ngõ T, phố Đ, phường T, TP Hà Nội); Số CCCD 001023002200 cấp ngày 02/8/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Thị V được bà Nguyễn Thị Thanh H thuê làm giúp việc để trông nom ông Nguyễn Thanh Đ là bố đẻ bà H tại số nhà 86, ngõ T, phố Đ, phường T, quận H1, Hà Nội (nay là số nhà 86, ngõ T, phố Đ, phường T, TP Hà Nội). Trong quá trình làm việc, V phát hiện bà H cất tiền trong két sắt để ở tủ gỗ tầng một và cất chìa khóa trong túi của ông Đ nên nảy sinh ý định trộm cắp.

Khoảng 22h00' ngày 10/4/2025, lợi dụng lúc ông Đ đang ngủ, V lấy chìa khóa mở tủ, dùng ga giường bọc chiếc két sắt rồi gọi xe grab chở V cùng chiếc két sắt đến bến xe M. Do không bắt được xe khách đi Quảng Bình nên V tiếp tục đi grab đến nhà nghỉ A (tại số 102 phố C, phường P, Hà Nội) thuê phòng 601 nghỉ. Khoảng 23h50' cùng ngày, V đặt xe ô tô grab đi đến phố T, phường X, Hà Nội để tìm chỗ phá két sắt.

Khoảng 00h20 ngày 11/4/2025, V đặt xe grab đi từ phố T đến thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (nay là xã M, tỉnh Quảng Trị). Trên đường đi, V gọi điện cho người yêu là Đinh Hữu H ra đón. Khoảng 09h cùng ngày, V đến thị trấn Q, H đến phụ V bê két sắt xuống xe. V bảo H đây là két sắt chỗ V làm, không làm nữa nên mang về, chìa khóa bị mất nên nhờ H chở đi tìm thợ phá khóa, nhưng không tìm được. Khoảng 10h ngày 11/4/2025, H đưa V cùng két sắt đến thị trấn Q rồi đi làm. V tự mang két sắt cất tại nhà nghỉ gần đó (không nhớ địa chỉ). Đến 11h cùng ngày, H quay lại đón V về nhà tại thôn T, xã X. Khoảng 13h, H đi làm, V lấy xe máy của H quay lại nhà nghỉ chở két sắt đến khu vực C, thôn T, xã Y và mua của người bán đồng nát 01 búa, 01 tuốc nơ vít, 01 kìm với giá 100.000 đồng rồi tự phát két sắt. V thấy bên trong két sắt có các tài sản: **100.500.000 đồng** tiền VN; 01 sổ tiết kiệm trị giá 1.300.000.000 đồng mang tên Nguyễn Thị Thanh H; 01 hộp bên trong chứa 09 nhẫn vàng tròn trơn, 01 nhẫn vàng mặt rồng, 01 nhẫn vàng mặt rắn, 01 nhẫn vàng có mặt ngọc đá màu xanh, 01 lắc tay vàng và 02 dây chuyền vàng. Khoảng 15h cùng ngày, V báo cho H biết toàn bộ sự việc và thừa nhận số tài sản này do V trộm cắp mà có. V cất hộp vàng trong cốp xe máy, giữ tiền và sổ tiết kiệm trong người, bỏ lại két sắt cùng dụng cụ phá rồi quay về nhà H.

Khoảng 06h00' ngày 12/4/2025, H đi làm, còn V ở lại đi lang thang quanh khu vực thị trấn Q. Đến khoảng 09h00' cùng ngày, V nhờ người đi đường chuyển số tiền 95.000.000 đồng vào tài khoản số 3806205184... mang tên Đinh Hữu H tại Ngân hàng A. V gọi cho H thông báo sự việc và nhờ H chuyển 5.000.000 đồng từ tài khoản trên sang tài khoản số 2609205234... mang tên Dương Thị V tại Ngân hàng A. Đối với số tiền mặt 5.500.000 đồng còn lại, V đã chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 18h cùng ngày, V bắt xe khách về Hà Nội và đến xin lỗi gia đình ông Đ. Sau đó, V đến Cơ quan Công an phường T khai báo sự việc. Cơ quan Điều tra đã thu giữ của Dương Thị V toàn bộ số vật chứng trên; thu giữ của Đinh Hữu H 90.000.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 41/KL-ĐGTS ngày 19/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H1 kết luận:

1/ 01 chiếc két sắt bằng kim loại màu xám, đã bị đục phá hoàn toàn, không còn khả năng sử dụng có trị giá là 300.000 đồng

2/ 01 nhẫn khối lượng vàng 9,43 gam: hàm lượng vàng 99,02%; hàm lượng bạc 0,87%; hàm lượng đồng 0,09%; có trị giá là 22.295.000 đồng

3/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,75 gam: hàm lượng vàng 99,62%; hàm lượng bạc 0,23%; hàm lượng đồng 0,14%; có trị giá là 11.227.000 đồng

4/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,69 gam: hàm lượng vàng 99,99%; hàm lượng bạc 00%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 11.089.000 đồng

5/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,73 gam: hàm lượng vàng 99,84%; hàm lượng bạc 0,15%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 11.183.000 đồng

6/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,75 gam: hàm lượng vàng 99,82%; hàm lượng bạc 0,17%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 11.249.000 đồng

7/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,75 gam: hàm lượng vàng 99,99%; hàm lượng bạc 00%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 11.270.000 đồng

8/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,75 gam: hàm lượng vàng 99,82%; hàm lượng bạc 0,17%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 11.249.000 đồng

9/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,73 gam: hàm lượng vàng 99,99%; hàm lượng bạc 00%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 11.202.000 đồng

10/ 01 nhẫn khối lượng vàng 7,47 gam: hàm lượng vàng 98,71%; hàm lượng bạc 1,28%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 22.159.000 đồng

11/ 01 nhẫn khối lượng vàng 3,75 gam: hàm lượng vàng 99,53%; hàm lượng bạc 0,46%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 11.217.000 đồng

12/ 01 nhẫn khối lượng vàng 7,27 gam: hàm lượng vàng 99,76%; hàm lượng bạc 0,23%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 21.786.000 đồng

13/ 01 nhẫn khối lượng vàng 11,24 gam: hàm lượng vàng 99,89%; hàm lượng bạc 0,1%; hàm lượng đồng 0,14%; có trị giá là 33.737.000 đồng

14/ 01 dây chuyền khối lượng vàng 19,15 gam: hàm lượng vàng 99,19%; hàm lượng bạc 0,80%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 49.876.000 đồng

15/ 01 dây chuyền khối lượng vàng 11,24gam: hàm lượng vàng 99,6%; hàm lượng bạc 0,39%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 33.638.000 đồng

16/ 01 lắc tay khối lượng vàng 18,75 gam: hàm lượng vàng 99,18%; hàm lượng bạc 0,18%; hàm lượng đồng 00%; có trị giá là 55.862.000 đồng

Tổng giá trị các tài sản trên là 329.339.000 đồng

Tại Cơ quan điều tra, Dương Thị V khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Lời khai của V phù hợp với lời khai của Đinh Hữu H. H khai: sau khi phá được kết sắt, V đã nói cho H biết là V đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc kết sắt. H đã khuyên V mang tài sản trả lại cho bị hại, tuy nhiên H không trình báo cơ quan chức năng về hành vi phạm tội của V do H lo sợ ảnh hưởng đến việc tổ chức đám cưới giữa V và H. H đã cắt dấu hộ V số tiền 90.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng và số vàng V đã để trong cốp xe máy H đang sử dụng.

Đối với 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Thanh H có trị giá 1.300.000.000 đồng, căn cứ khoản 8 Điều 6 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2022/TT-NHNN ngày 30/11/2022 thì sổ tiết kiệm này không nằm trong danh mục giấy tờ có giá. Do vậy, không đủ căn cứ để xác định V đã chiếm đoạt số tiền 1.300.000.000 đồng thông qua việc lấy sổ tiết kiệm nói trên.

Đối với các tài sản V đã trộm cắp, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Nguyễn Thanh Đ. Cơ quan điều tra đã trao trả lại tài sản cho ông Đ (do bà Nguyễn Thị Thanh H - là người được ông Đ ủy quyền đề nhận lại tài sản). Đối với số tiền 5.500.000 đồng Dương Thị V đã chi tiêu hết và chiếc kết sắt bị đục phá hoàn toàn, bà H không có yêu cầu gì về dân sự. Bà H có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Vân.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 05/9/2025, VKSND Khu vực 3 - Hà Nội truy tố Dương Thị V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 và truy tố Đinh Hữu H về tội "Che dấu tội phạm" theo điểm c khoản 1 Điều 389 - BLHS 2015.

Tại phiên tòa: các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận cáo trạng truy tố đúng hành vi các bị cáo đã thực hiện, ăn năn hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND Khu vực 3 - TP Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Xử phạt Dương Thị V từ 12 năm đến 13 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 15/4/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

- Xử phạt Đinh Hữu H từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án về tội che dấu tội phạm. Giao bị cáo H cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 kim cắt; 01 tuốc nơ vít; 01 búa đinh bị cáo Vân đã dùng để phá kết sắt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra - Công an quận TP Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/4/2025, tại nhà của ông Nguyễn Thanh Đ tại địa chỉ số nhà 86, ngõ T, phố Đ, phường T, quận H1, Hà Nội (nay là số nhà 86, ngõ T, phố Đ, phường T, TP Hà Nội), Dương Thị V đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc kết sắt bên trong có các tài sản, gồm: 100.500.000 đồng tiền Việt Nam; 01 sổ tiết kiệm trị giá 1.300.000.000 đồng mang tên Nguyễn Thị Thanh H; 09 nhẫn vàng tròn trơn, 01 nhẫn vàng mặt rồng, 01 nhẫn vàng mặt rắn, 01 nhẫn vàng mặt ngọc đá màu xanh, 01 lắc tay vàng, 02 dây chuyền vàng. Tổng giá trị các tài sản V đã trộm cắp là 429.839.000 đồng.

Ngày 11/4/2025, V sau khi tự phá và mở được kết sắt đã báo cho Đinh Hữu H biết việc V đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc kết sắt này và các tài sản bên trong. H biết việc V trộm cắp, nhưng H đã không trình báo Cơ quan Công an về hành vi phạm tội này của V, đồng thời H đã cất giấu hộ V những tài sản V phạm tội mà có.

Như vậy, hành vi của Dương Thị V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 - BLHS 2015 với tình tiết chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. Hành vi của Đinh Hữu H đã phạm vào tội “Che dấu tội phạm” định tại điểm c khoản 1 Điều 389 - BLHS 2015 với tình tiết che dấu tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 173 - BLHS. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội truy tố các bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp lý. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất

trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho nhân dân, do vậy cần thiết xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự để cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: hành vi phạm tội bị cáo V thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, tài sản trộm cắp có giá trị rất lớn. Bị cáo V có tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên (người bị hại là ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1923, khi bị V trộm cắp tài sản thì ông Đ trên 70 tuổi). Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: chưa tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách đã trả người bị hại toàn bộ tài sản bị trộm cắp; bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh rất khó khăn, một mình nuôi ba con nhỏ; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo H thì không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ: chưa tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh khó khăn; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản thân H khi biết V phạm tội cũng đã khuyên bảo V đi trình báo và trả lại tài sản cho người bị hại. Xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, là người dân lao động, nhận thức pháp luật hạn chế, phạm tội mang tính bột phát, nhất thời, nguyên nhân phạm tội xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn, do vậy có thể để bị cáo V ở mức án vừa phải của khung hình phạt, thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; đối với bị cáo H có nơi cư trú rõ ràng, có thể áp dụng hình phạt mang tính chất răn đe, phòng ngừa, cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương; như vậy cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo.

[4] Đối với 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Thanh H có trị giá 1.300.000.000 đồng mà V đã trộm cắp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 105 - BLDS 2015 thì tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 8 Điều 6 - Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010; khoản 1 Điều 3 - Thông tư số 16/2022/TT-NHNN ngày 30/11/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 - Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ thì giấy tờ có giá bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, séc, chứng chỉ quỹ, giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch. Như vậy, đối chiếu với các quy định pháp luật thì sổ tiết kiệm có trị giá 1.300.000.000 đồng mang tên

Nguyễn Thị Thanh mà bị cáo V đã trộm cắp không phải là giấy tờ có giá, do đó không có căn cứ để xác định V đã chiếm đoạt số tiền 1.300.000.000 đồng thông qua việc trộm cắp sổ tiết kiệm nói trên.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo V có hoàn cảnh rất khó khăn, là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hiện đang bị tạm giam, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác nên không xét

[7] Về biện pháp tư pháp: đối với số tiền 5.500.000 đồng V đã trộm cắp của người bị hại và đã chi tiêu hết, hiện nay người bị hại không yêu cầu V phải trả lại số tiền này. Xét đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo V truy nộp để sung quỹ Nhà nước

[8] Về vật chứng: đối với các vật chứng mà bị cáo V đã sử dụng để phá kết sắt, xét đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 - BLTTHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: - Dương Thị V phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Đinh Hữu H phạm tội "Che dấu tội phạm"

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 - BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Dương Thị Vân

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1,2,5 Điều 65 - BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Đinh Hữu Hiền

Xử phạt:

- phạt **Dương Thị V 10 (mười) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 15/4/2025

- phạt **Đinh Hữu H 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho **hưởng án treo**, hạn **thử thách** là **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo H cho UBND xã M, tỉnh Quảng Trị quản lý giáo dục trong thời gian thử thách

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự

* **Về biện pháp tư pháp:** áp dụng các Điều 46, 47 - BLHS 2015: Buộc bị cáo V phải truy nộp số tiền 5.500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước

* **Về vật chứng:** áp dụng Điều 106 - BLTTHS 2015: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã qua sử dụng sau đây (đã chuyển Thi hành án dân sự Khu vực 3 - TP Hà Nội tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 2025/KV3-051 ngày 18/9/2025):

- + 01 kim cắt có chuôi nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 30cm
- + 01 tuốc nơ vít dài khoảng 35cm có chuôi nhựa màu xanh
- + 01 búa đinh dài khoảng 24cm làm bằng kim loại.

* **Về án phí:** áp dụng Điều 136 - BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

* **Về quyền kháng cáo:** áp dụng các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Thanh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

* **Về việc thi hành án:** áp dụng Điều 26 - Luật Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND KV3 - Hà Nội

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an TP Hà Nội
- Cơ quan THA dân sự
- KV3 - Hà Nội
- UBND xã M,
- tỉnh Quảng Trị
- Bị cáo, bị hại
- Lưu HSVA, VP

Đỗ Thị Mai Thu

